FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	21,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,700
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	159,713
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,143
P/E	1799.9
EPS	12

	YTD	1T	3T	6T
NBB	-4.0%	-2.7%	-3.6%	-3.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

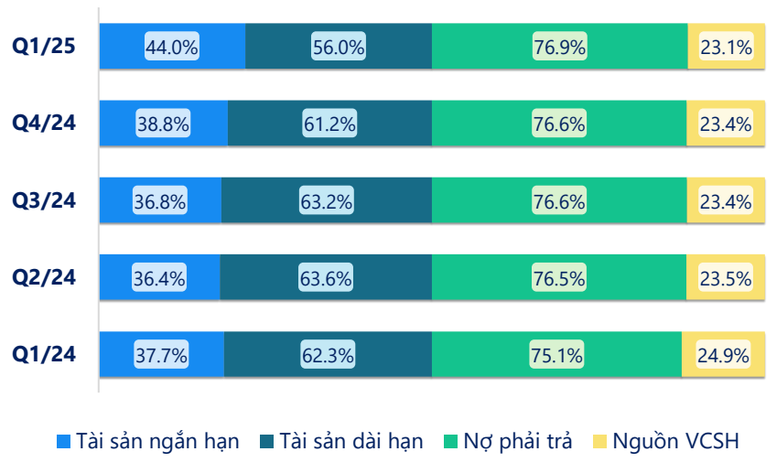

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

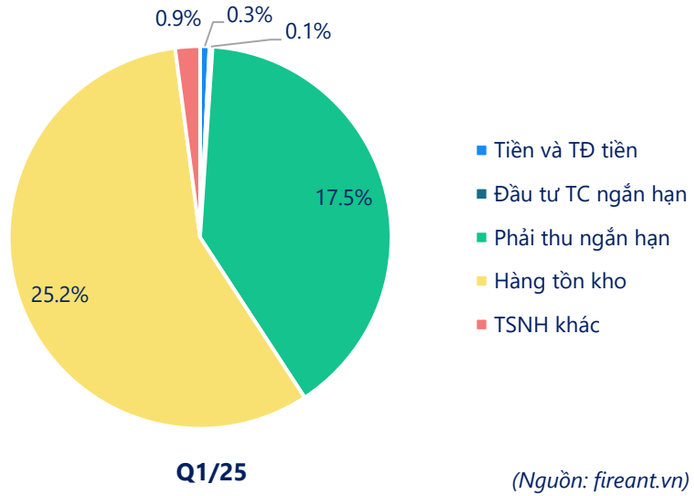

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

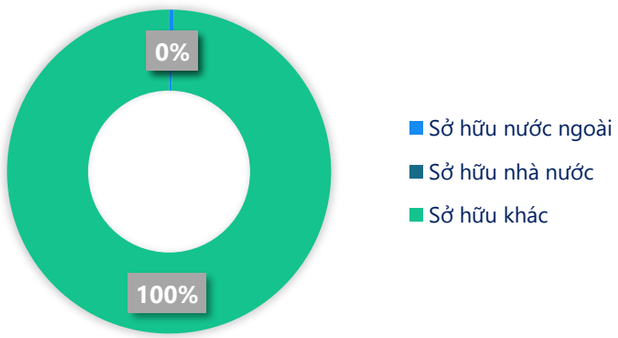

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

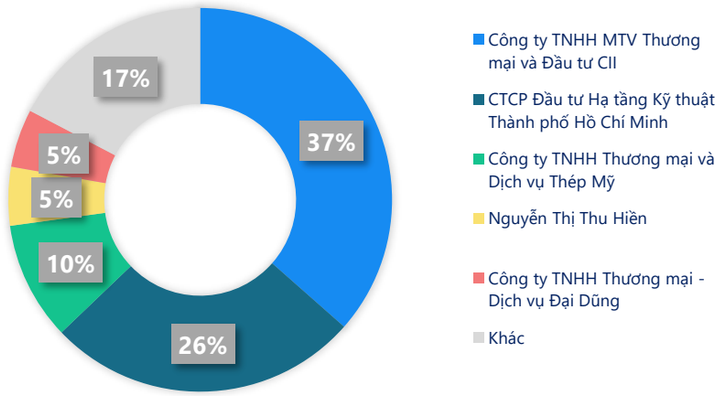

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

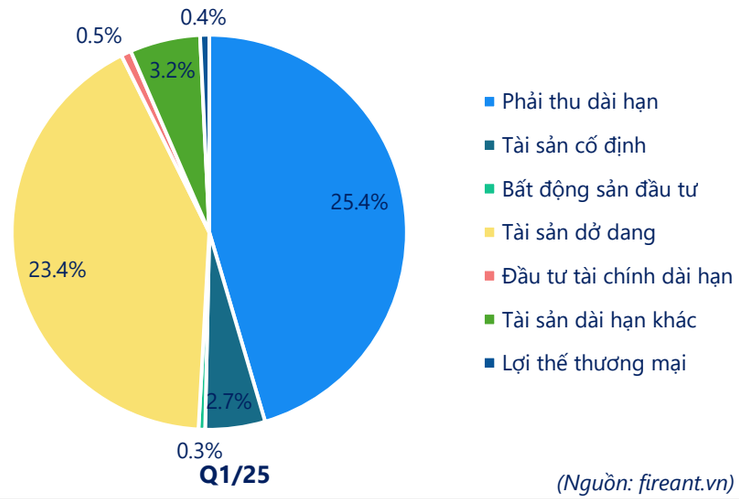

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Tiền và tương đương tiền

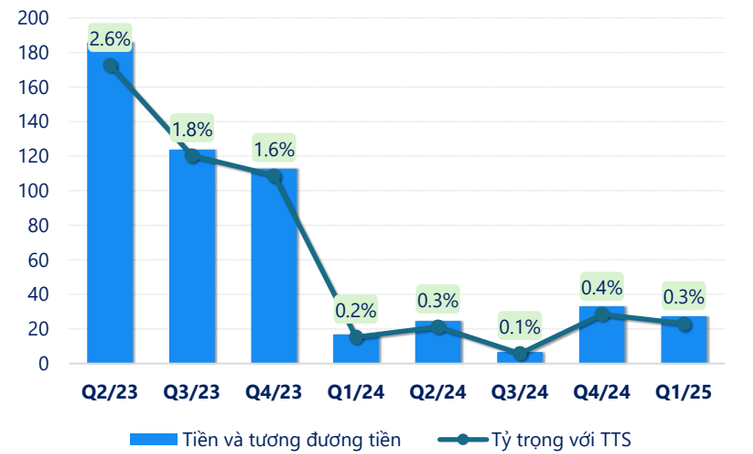

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

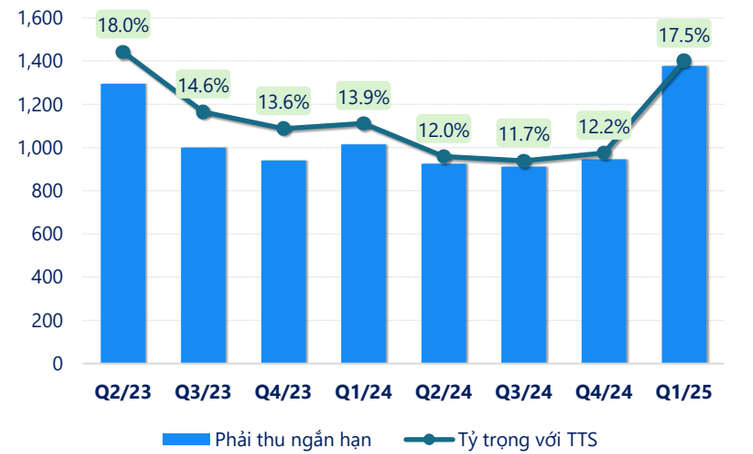

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

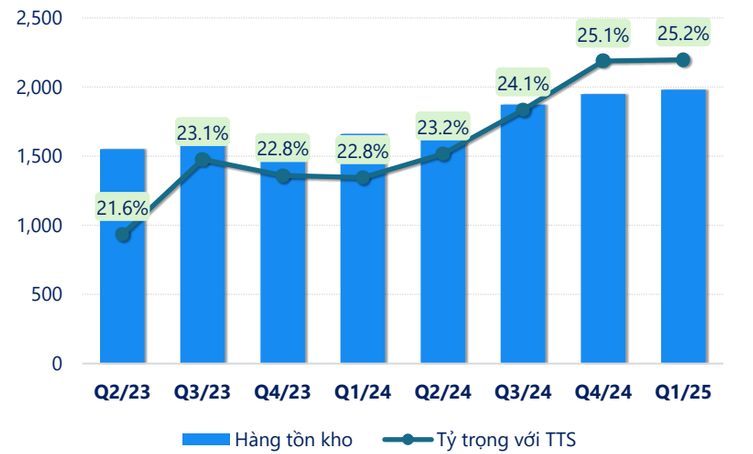

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

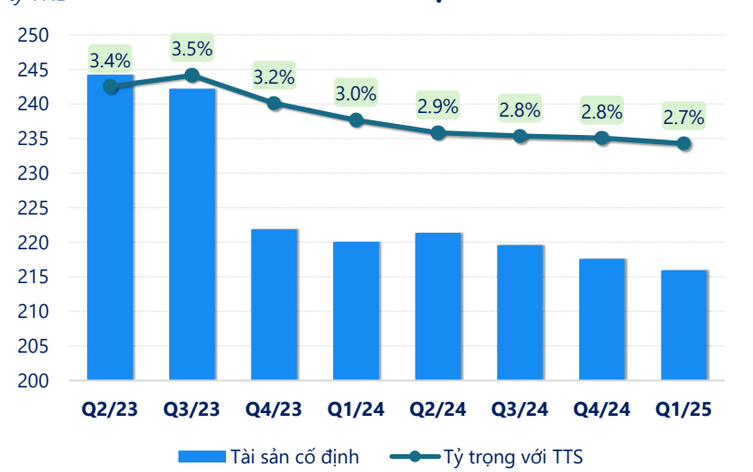

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

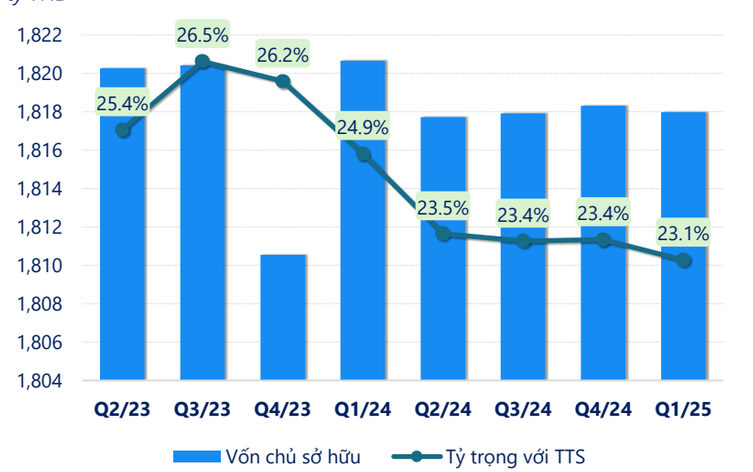

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Kết quả kinh doanh

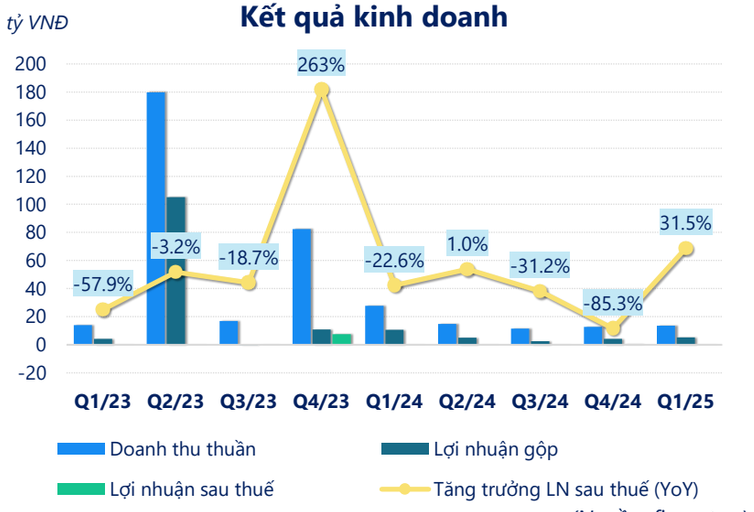

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

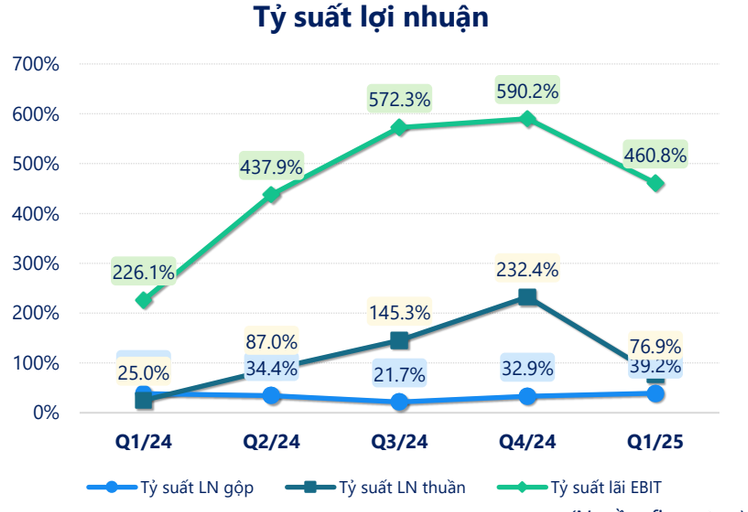

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

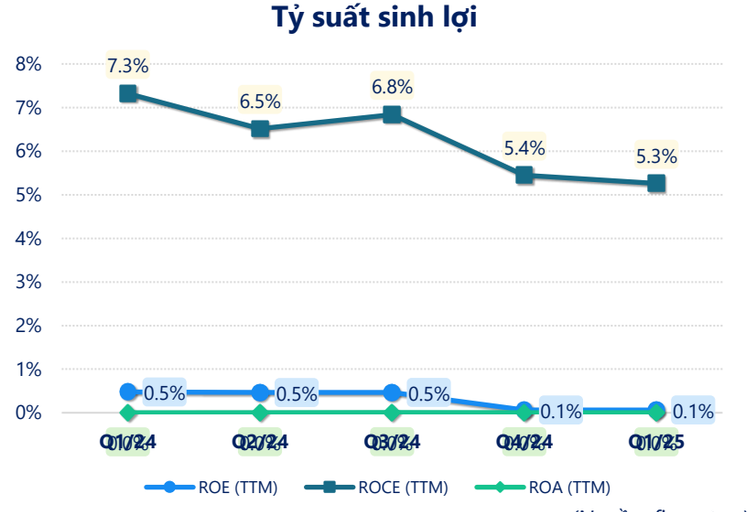

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

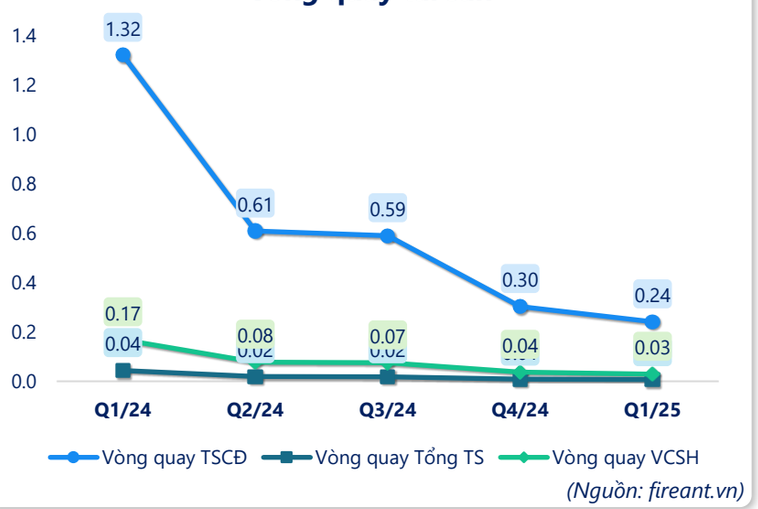

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

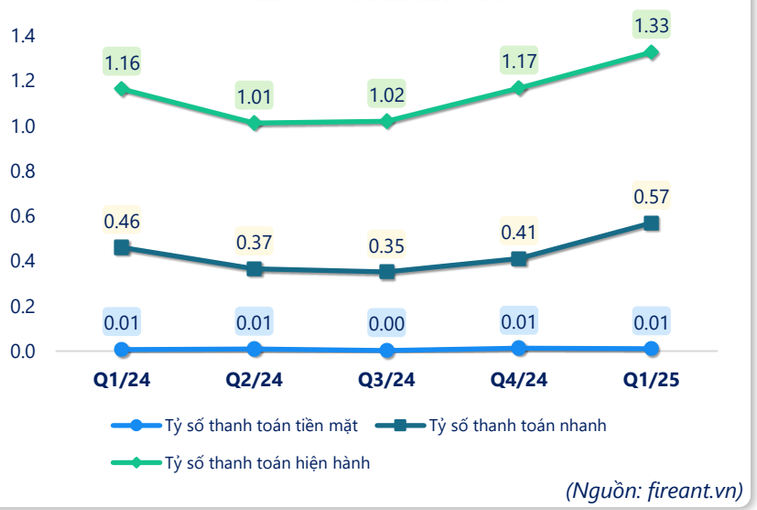

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

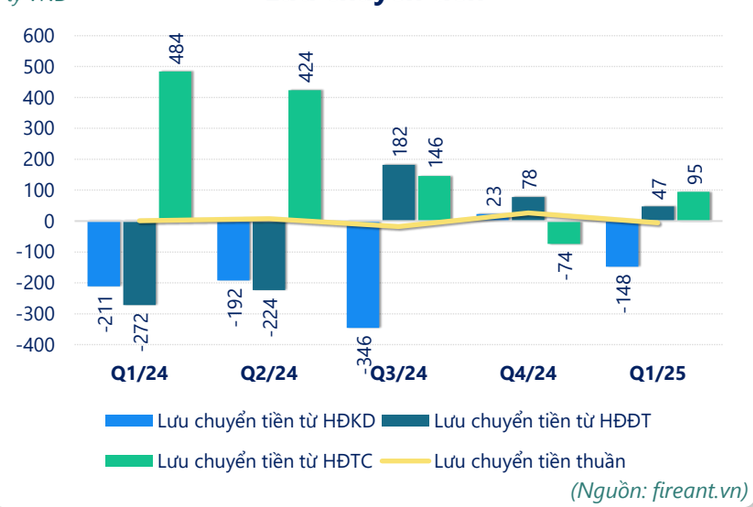

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,873**	**7,754**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	3,467	3,390	2.3%
Tiền và tương đương tiền	27.3	33.1	-17.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.00	9.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,378	1,345	2.5%
Hàng tồn kho	1,980	1,932	2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	72.5	70.7	2.5%
Tài sản dài hạn	**4,406**	**4,364**	**1.0%**
Phải thu dài hạn	2,002	2,008	-0.3%
Tài sản cố định	216	218	-0.8%
Bất động sản đầu tư	23.7	24.0	-1.3%
Tài sản dở dang	1,841	1,796	2.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**254**	**248**	**2.5%**
Lợi thế thương mại	33.0	34.0	-2.9%
Nợ phải trả	6,055	5,936	2.0%
Nợ ngắn hạn	**2,613**	**2,572**	**1.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,757	1,718	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.1	96.0	-3.0%
Nợ dài hạn	3,442	3,363	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,769	2,714	2.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**0.0%**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	27.7	14.8	11.5	12.7	13.6
Giá vốn hàng bán	17.1	9.68	8.99	8.53	8.28
Lợi nhuận gộp	10.6	5.08	2.48	4.18	5.35
Doanh thu HĐTC	62.9	76.0	81.8	94.9	71.4
Chi phí TC	62.0	62.9	64.5	65.7	62.4
Chi phí lãi vay	62.0	60.8	63.8	65.5	61.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.54	0.38	0.22	0.19	0.61
Chi phí QLDN	3.98	4.91	2.91	3.64	3.25
LN thuần từ HĐKD	6.92	12.8	16.7	29.5	10.5
Lợi nhuận khác	-6.33	-8.97	-14.8	-20.0	-9.42
LN trước thuế	0.59	3.88	1.84	9.50	1.06
Lợi nhuận sau thuế	0.05	0.19	0.19	0.40	0.05
LNST của CĐ cty mẹ	0.10	0.25	0.44	0.37	0.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-211	-192	-346	22.6	-148
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-272	-224	182	78.1	47.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	484	424	146	-74.3	95.0
Tiền đầu kỳ	15.7	16.8	24.5	6.76	33.1
Lưu chuyển tiền thuần	**1.08**	**7.75**	**-17.8**	**26.4**	**-5.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.8	24.5	6.76	33.1	27.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic